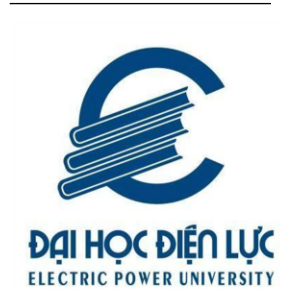


**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC**



**LÊ QUỲNH ANH**

**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ THEO VÒNG ĐỜI SẢN  
PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT  
SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ VIỆT NAM**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**HÀ NỘI - 2023**

**Công trình này được hoàn thành tại:**  
**Trường Đại học Điện lực**

Người hướng dẫn:           1. PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Hoa  
                                          2. TS. Nguyễn Tổ Tâm

Phản biện 1: PGS. TS. Mai Ngọc Anh

Phản biện 2: PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Nga

Phản biện 3: PGS. TS. Lê Tú Oanh

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường họp tại Trường Đại học Điện lực.

**Vào hồi ... giờ, ngày ... tháng ... năm ...**

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

1. Trung tâm học liệu - Trường Đại học Điện Lực
2. Thư viện Quốc gia Việt Nam

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (The Fourth Industrial Revolution - FIR) được hình thành trên nền tảng của cuộc cách mạng thứ 3 - cuộc cách mạng kỹ thuật số, sử dụng các thiết bị điện tử, công nghệ thông tin để tự động hóa quá trình sản xuất. CMCN 4.0 không chỉ giới hạn ở tự động hóa, hệ thống thông minh và được kết nối, mà còn bao trùm phạm vi rộng lớn bao gồm các làn sóng phát triển của những đột phá trong các lĩnh vực khác nhau. Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 diễn ra với tốc độ nhanh chóng, tạo ra rất nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc hoàn tất nhiều hiệp định thương mại tự do quy mô lớn thì việc chủ động chuẩn bị những nền tảng cần thiết để tiếp cận thành tựu công nghệ mới từ cuộc cách mạng này sẽ giúp nền kinh tế Việt Nam tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp tích cực cho tăng trưởng của đất nước.

Một trong những lĩnh vực bị ảnh hưởng khá lớn bởi cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là hoạt động sản xuất sản phẩm điện tử. Những công nghệ mới xuất hiện dẫn đến sự ra đời của hàng loạt nhà máy thông minh tự động hóa, số hóa và liên kết tất cả các giai đoạn sản xuất trên tích hợp Internet vạn vật (IoT), big data, điện toán đám mây và hệ thống thực tế - ảo. Thị trường sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam trở thành một mảnh đất đầy tiềm năng và màu mỡ cho các công ty sản xuất phần mềm, phần cứng và điều khiển (IoT) phát triển.

Tuy nhiên để tiến tới nền sản xuất sản phẩm điện tử trong thời kỳ CMCN 4.0 thì còn rất nhiều thách thức đặt ra cho các doanh nghiệp, ví dụ như: Thay đổi về quản lý quy trình, mô hình kinh doanh, kiến trúc hạ tầng IT... Và tất cả sự thay đổi đó của doanh nghiệp đòi hỏi doanh nghiệp sẽ mất chi phí để đầu tư, thiết kế và phát triển sản phẩm của mình. Doanh nghiệp cần phải đạt được mục tiêu là quản trị chi phí hiệu quả, tiết kiệm chi phí mà vẫn có thể duy trì tốt các hoạt động kinh doanh. Chính vì thế mà thông tin về chi phí lại càng đóng vai trò quan trọng hơn. Nếu doanh nghiệp có thể kiểm soát tốt chi phí của mình thì không những có thể cung cấp sản phẩm với giá thành rẻ, tăng sức cạnh tranh mà còn có ngân sách để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, từ đó làm

tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin về chi phí trong doanh nghiệp chính là hệ thống kế toán quản trị chi phí. Kế toán quản trị chi phí có tác dụng cung cấp thông tin về chi phí cho các đối tượng, bộ phận phòng ban khác nhau, tùy thuộc vào nhu cầu thông tin của các bộ phận đó. Muốn quản trị chi phí hiệu quả thì phải có một hệ thống kế toán quản trị chi phí tốt. Kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm có nghĩa kế toán sẽ xác định toàn bộ hao phí mà doanh nghiệp chi ra từ khi thiết kế và phát triển sản phẩm thông qua các giai đoạn sản xuất, tiếp thị, phân phối bảo trì và cuối cùng là xử lý rác thải. Trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, vòng đời của các sản phẩm thường là ngắn, công nghệ thay đổi liên tục nên cần chi phí đầu tư cho việc đào tạo cập nhật công nghệ mới, tìm kiếm mở rộng thị trường và quảng cáo sản phẩm mới đến người tiêu dùng. Sự phát triển về quy mô của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử cũng đi đôi với hậu quả về mặt môi trường, các sản phẩm điện tử khi được sản xuất và thải bỏ sẽ có ảnh hưởng đến môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Do đó, kế toán cần phải hiểu rõ vòng đời sản phẩm để có thể đưa ra được các biện pháp giảm thiểu chi phí, tiết kiệm chi phí cũng như là bảo vệ tài nguyên môi trường.

Đứng trước những khó khăn và thách thức kể trên, để các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững thì nhà quản trị doanh nghiệp cần phải nắm rõ các phương pháp quản trị chi phí hiệu quả, trong đó kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm là một phương pháp hiện đại với cách tiếp cận chi phí mới mẻ. Phương pháp kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm là một công cụ quản trị chi phí nhằm tăng cường khả năng kiểm soát và tiết kiệm chi phí, lên kế hoạch và giám sát chặt chẽ các chi phí phát sinh trong suốt vòng đời sản phẩm, để từ đó, khi có bất kỳ sự thay đổi nào ảnh hưởng đến các giai đoạn trong vòng đời sản phẩm, nhà quản trị doanh nghiệp sẽ có được sự lường trước và thích ứng tốt hơn với sự thay đổi đó. Từ đó, đưa ra các quyết định kinh doanh hiệu quả hơn. Do đó, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm sẽ giúp nhà quản trị doanh nghiệp định hướng được cách sử dụng, quản trị chi phí tốt hơn, cải thiện quy trình sản xuất, hiệu quả môi trường và cuối cùng đạt được sự phát triển bền vững.

Từ đó, tác giả lựa chọn nội dung nghiên cứu là: ***“Kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam”*** để thực hiện Luận án của mình.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

*Mục tiêu tổng quát:* Nghiên cứu việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam.

*Mục tiêu chi tiết:*

*Thứ nhất*, hệ thống hóa lý luận về kế toán quản trị chi phí, vòng đời sản phẩm và kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất;

*Thứ hai*, đánh giá thực trạng việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam, cụ thể đưa ra tình huống nghiên cứu điển hình tại 02 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam;

*Thứ ba*, xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam; kiểm định giả thuyết và xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố;

*Thứ tư*, trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam và kết quả nghiên cứu định lượng các nhân tố trong mô hình, thảo luận và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Từ mục tiêu trên, tác giả có rút ra các nhiệm vụ nghiên cứu là:

1. Tổng hợp và phân tích có hệ thống các nghiên cứu đã công bố có liên quan đến kế toán quản trị chi phí, chi phí theo vòng đời sản phẩm và kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm, bao gồm các nghiên cứu nước ngoài và ở Việt Nam.

2. Thu thập và nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm.

3. Khảo sát tình hình áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam, đưa ra tiêu chí và lựa chọn một số công ty điển hình để nghiên cứu và tìm hiểu thực trạng cụ thể.

4. Xác định các nhân tố có ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam.

5. Đưa ra một số đề xuất phù hợp cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm.

### **3. Câu hỏi nghiên cứu**

Để thực hiện được mục tiêu trên, tác giả đặt ra các câu hỏi nghiên cứu như sau:

Câu hỏi 1: Cơ sở lý thuyết nào được áp dụng trong các nghiên cứu về KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất?

Câu hỏi 2: Đánh giá thực trạng việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam như thế nào?

Câu hỏi 3: Các nhân tố nào ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam? Mức độ ảnh hưởng của chúng như thế nào?

Câu hỏi 4: Các giải pháp phù hợp cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm là gì?

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

+ *Về không gian*: Do hạn chế về mặt thời gian và nguồn lực thực hiện nên phạm vi tiến hành khảo sát của Luận án là 245 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam có quy mô nhỏ và vừa (Sản phẩm điện tử có đặc tính đặc biệt về tính cạnh tranh và tốc độ thay đổi. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử phải có khả năng nhanh chóng thích nghi với thị trường và quản lý chi phí một cách hiệu quả; Các DN sản xuất sản phẩm điện tử có quy mô nhỏ và vừa thường có đặc thù sản xuất, phân bổ và quản lý chi phí khác biệt so với các DN có

quy mô lớn; các DN này có nhu cầu tổ chức hệ thống KTQT chi phí riêng và phù hợp; Bên cạnh đó, ngành sản xuất sản phẩm điện tử đang phát triển rất nhanh chóng ở Việt Nam, đặc biệt là trong các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Việc nghiên cứu khả năng vận dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp này sẽ giúp cải thiện hiệu quả quản lý chi phí và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp); phạm vi nghiên cứu tình huống là 02 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử thông minh (smarthome) (là các doanh nghiệp trẻ, có sự đầu tư bài bản cho bộ phận R&D, chi phí nghiên cứu, phát triển chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí; là các DN có đặc thù và quy trình sản xuất phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của Luận án).

+ *Về thời gian*: Luận án tiến hành thu thập và phân tích dữ liệu tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam từ tháng 03/2019 đến nay.

+ *Về nội dung*: Luận án tiếp cận các nội dung về Kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm gắn với các chức năng phục vụ thông tin hữu ích cho nhà quản trị ra quyết định tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam (tác giả không đề cập đến khía cạnh nội dung về chi phí theo vòng đời sản phẩm trên phương diện KTTC). Bên cạnh đó, qua các nghiên cứu đã công bố và kiểm chứng tình huống thực tế, tác giả tổng hợp và đề xuất mô hình nghiên cứu *07 nhân tố (trong đó: tiếp thu có chọn lọc 06 nhân tố (phù hợp với đặc thù của DN sản xuất sản phẩm điện tử) từ các mô hình nghiên cứu đã công bố của các tác giả Ismail và King (2007), Tuan Mat (2010), Ahmad (2012), Ojra (2014), Ngọc Hùng (2016), Đức Loan (2019) ... và đề xuất thêm 01 nhân tố mới là nhân tố “vòng đời sản phẩm”)* có ảnh hưởng việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam, bao gồm: *Quy mô doanh nghiệp, trình độ của nhân viên kế toán, chi phí tổ chức KTQT, chiến lược kinh doanh, mức độ cạnh tranh của thị trường, nhận thức của chủ DN về KTQT và vòng đời sản phẩm*. Từ đó, tác giả xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

*Phương pháp nghiên cứu định tính:*

Phương pháp nghiên cứu định tính bao gồm các kỹ thuật thu thập dữ liệu là: (1) Nghiên cứu tài liệu, (2) Thu thập dữ liệu thứ cấp, (3) Phỏng vấn cá nhân, (4) Quan sát tham gia.

*Phương pháp nghiên cứu định lượng:*

Nghiên cứu định lượng được sử dụng thông qua điều tra khảo sát để thu thập tình hình tổng quan áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam, đưa dữ liệu tổng hợp vào phân tích thông qua phần mềm SPSS để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam.

**6. Những đóng góp khoa học mới và kết cấu của Luận án**

Khác với các nghiên cứu đã được công bố có nội dung liên quan đến việc áp dụng hệ thống KTQT, KTQT chi phí, hay các nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT chi phí trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, Luận án đã thực hiện được một số điểm mới như sau:

Thứ nhất, Luận án đã xác định các nhân tố và thang đo phù hợp trong mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm điện tử;

Thứ hai, Luận án đã đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm và điều kiện áp dụng công cụ này thông qua nghiên cứu tình huống điển hình tại 02 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam;

Thứ ba, Luận án đã đưa ra một số đề xuất nhằm làm gia tăng tính khả thi của việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam.

**Kết cấu của Luận án**

*Ngoài phần mở đầu, Luận án được chia thành 5 chương:*

*Chương 1: Tổng quan nghiên cứu*

*Chương 2: Cơ sở lý thuyết về KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử*

*Chương 3: Phương pháp nghiên cứu*

*Chương 4: Kết quả nghiên cứu*

*Chương 5: Kết luận và một số hàm ý đề xuất*

## **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU**

### **1.1. Tổng quan về kế toán quản trị chi phí**

#### **1.1.1. Kế toán quản trị chi phí**

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Anh (2014) cho rằng, kế toán quản trị chi phí là bộ phận kế toán chi phí trong hệ thống kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về chi phí phục vụ cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp. Tác giả cũng đã làm rõ thực trạng của kế toán quản trị chi phí tại các công ty cổ phần nhựa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trên các khía cạnh: Phân loại chi phí, xây dựng định mức và lập dự toán chi phí, xác định chi phí cho các đối tượng chịu phí, phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí và cuối cùng là phân tích thông tin chi phí để ra quyết định kinh doanh. Tuy nhiên, tác giả mới nghiên cứu trên phương diện phỏng vấn và điều tra dựa vào kết quả phỏng vấn định tính, chưa sử dụng các phương pháp định lượng nhằm tìm ra các nhân tố có ảnh hưởng đến biến động chi phí để đưa ra được thông tin hữu ích cho nhà quản trị ra quyết định.

#### **1.1.2. Việc áp dụng các công cụ kế toán quản trị chi phí**

Một nghiên cứu khám phá các phương pháp kế toán quản trị chi phí được sử dụng bởi các công ty sản xuất hoạt động ở Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ. Mẫu của nghiên cứu bao gồm 61 công ty, bao gồm cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa và các công ty lớn. Cuộc khảo sát đã chỉ ra chi tiết tình hình vận dụng kế toán quản trị chi phí của các công ty sản xuất Thổ Nhĩ Kỳ hoạt động tại Istanbul. Phương pháp thu thập dữ liệu của nghiên cứu là điều tra bằng bảng câu hỏi. Nội dung của bảng câu hỏi khảo sát dựa trên một số nghiên cứu trước đây có liên quan. Các phát hiện chính của nghiên cứu như sau: phương pháp tính giá thành sản phẩm được sử dụng rộng rãi nhất là tập hợp chi phí theo công việc; sự phức tạp trong sản xuất là cản trở lớn nhất trong việc tính giá thành sản phẩm; ba tiêu thức phân bổ chi phí chung được sử dụng rộng rãi nhất là: chi phí ban đầu (*prime costs*), chi phí sản xuất đơn vị (*units produced*) và chi phí lao động trực tiếp (*direct labor cost*); các quyết định về giá là lĩnh vực quan trọng nhất mà thông tin chi phí được sử dụng; tỷ lệ trung bình của tổng chi phí sản xuất chung trên tổng chi phí là 34,48% đối với tất cả các ngành; và

ba phương pháp kỹ thuật kế toán quản trị quan trọng nhất là: lập dự toán (*budgeting*), lập kế hoạch và kiểm soát - (*planning and control*), và phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận (*cost-volume-profit analysis*). Hơn nữa, lợi nhuận giảm, chi phí và mức độ cạnh tranh tăng, sự khủng hoảng của nền kinh tế là những yếu tố làm tăng tầm quan trọng của kế toán chi phí. Các phát hiện chỉ ra rằng các công ty nhận thấy các công cụ kế toán quản trị truyền thống vẫn quan trọng.

### **1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán quản trị chi phí**

Phần lớn các nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán quản trị hoặc kế toán quản trị chi phí đều dựa trên khung lý thuyết ngẫu nhiên. Cách tiếp cận lý thuyết ngẫu nhiên đối với việc áp dụng KTQT chi phí dựa trên tiền đề: không có một hệ thống KTQT chi phí nào thích hợp với tất cả các tổ chức khác nhau hoặc trong các trường hợp khác nhau. Các nghiên cứu nhấn mạnh tầm ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp khi phát triển hệ thống kế toán quản trị chi phí. Các yếu tố ngẫu nhiên bên trong doanh nghiệp được đề cập là công nghệ, chiến lược của tổ chức, trình độ của nhân viên kế toán. Trong khi đó, một yếu tố bên ngoài được nhận định ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của kế toán quản trị chi phí là mức độ cạnh tranh của thị trường.

## **1.2. Tổng quan về chi phí theo vòng đời sản phẩm và kế toán chi phí theo vòng đời sản phẩm**

### **1.2.1. Chi phí theo vòng đời sản phẩm**

Chi phí theo vòng đời (LCC) ban đầu được ra đời cho mục đích đầu tư tại Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ (*US Department of Defence*) và được định nghĩa là: “chi phí vòng đời của một mặt hàng là tổng của tất cả các quỹ được sử dụng để hỗ trợ cho mặt hàng đó từ quá trình hình thành và chế tạo cho đến khi hết thời gian sử dụng” [3]. Theo Dell'Isola và Kirk (1995), động lực chính để sử dụng công cụ LCC là tăng khả năng cắt giảm chi phí khi đưa ra các quyết định trong giai đoạn thiết kế liên quan đến chi phí vận hành, ngay cả khi điều này dẫn đến chi phí đầu tư bổ sung. Ví dụ, các quyết định về thiết kế của một tòa nhà như hình dạng, vật liệu, việc sử dụng không gian và việc lắp đặt có mối quan hệ với chi phí vận hành (*operational costs*)

như chi phí dọn dẹp và chi phí bảo trì sau này của một sân vận động bên trong tòa nhà của vòng đời tòa nhà. Những ưu điểm quan trọng nhất của LCC được đề cập là:

*Lập kế hoạch và lập dự toán dài hạn, do đó cải thiện rủi ro quản lý;*

*Cải thiện quá trình ra quyết định bằng cách phân tích có hệ thống và dễ đo lường hơn;*

*So sánh các giải pháp thay thế nhằm lựa chọn giữa các phương án cạnh tranh.*

### **1.2.2. Kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm**

Phương pháp kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm được tác giả Nguyễn Thị Mai Anh (2014) đề cập trong nghiên cứu của mình. Đồng quan điểm với các nghiên cứu về chi phí theo vòng đời sản phẩm của các tác giả Barringer & Weber (1996), ISO 15663-1 (2000), Ellis (2007), tác giả cho rằng, phương pháp xác định chi phí theo vòng đời sản phẩm tập trung vào chuỗi giá trị của sản phẩm, đánh giá các chi phí theo các giai đoạn của vòng đời sản phẩm là: giai đoạn nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, tiếp thị/phân phối và cuối cùng là chăm sóc khách hàng. Các đặc điểm chính của phương pháp kế toán chi phí theo vòng đời sản phẩm được tác giả đưa ra là: nhà quản lý phải tính đến tất cả các chi phí liên quan để xác định giá thành và lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm; phương pháp này tập trung vào nội dung cắt giảm giá thành để đạt được chi phí mục tiêu đề ra; các loại chi phí có mối quan hệ tương hỗ với nhau, bắt đầu từ giai đoạn nghiên cứu và phát triển, DN lập kế hoạch xây dựng ngân sách phù hợp, cắt giảm chi phí liên quan đến giai đoạn sản xuất và bảo hành sản phẩm. Tác giả cũng nhận định, phương pháp kế toán theo vòng đời sản phẩm sẽ không phù hợp cho việc lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực hiện hành. Tuy nhiên, phương pháp này rất hiệu quả trong việc hỗ trợ nhà quản trị lập kế hoạch khi nghiên cứu và giới thiệu sản phẩm mới ra thị trường.

### **1.3. Khoảng trống nghiên cứu và định hướng nghiên cứu của Luận án**

(1) Trong phạm vi nội dung các nghiên cứu lý thuyết đã công bố, với giới hạn tìm hiểu của NCS, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào nội dung của kế toán quản trị chi phí, hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí nhưng vẫn chưa

đề cập hoặc có đề cập nhưng chưa đi sâu vào việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm;

(2) Trong phạm vi các nghiên cứu định lượng về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị hoặc kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp, với giới hạn khả năng tìm hiểu của NCS, NCS chưa thấy có nghiên cứu toàn diện về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm.

(3) Các nghiên cứu về kế toán quản trị chi phí tại Việt Nam trước đây được thực hiện trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp như gạch, may mặc, nhựa... Tuy nhiên, NCS chưa tìm thấy công trình nào nghiên cứu về kế toán quản trị chi phí trong nhóm doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, cụ thể là kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam.

## **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ THEO VÒNG ĐỜI SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ**

### **2.1. Cơ sở lý luận về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất**

Chi phí luôn là thành phần chính trong toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nhà quản trị rất cần những thông tin về chi phí liên tục, kịp thời, đáng tin cậy để phục vụ cho việc lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định. Nghiên cứu của Shank và Govindarajan (1993) nhận định rằng, nội dung chính của quản trị chi phí là hiểu cấu trúc chi phí của một tổ chức rõ ràng để quản lý và kiểm soát chi phí. Theo Nguyễn Thị Mai Anh (2014), “kế toán quản trị chi phí là bộ phận kế toán chi phí trong hệ thống kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về chi phí phục vụ cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp”.

Theo quan điểm của tác giả, kế toán quản trị chi phí là công việc thu thập, phân tích, xử lý và cung cấp thông tin hệ thống thông tin về chi phí nhằm mục đích lập kế hoạch, kiểm soát chi phí phát sinh, thực hiện các nỗ lực cắt giảm chi phí phù hợp và hỗ trợ nhà quản trị ra quyết định kinh doanh hiệu quả.

### **2.2. Cơ sở lý luận về kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm**

#### **2.2.1. Khái niệm vòng đời sản phẩm**

Blanchard và Fabrycky (1991) định nghĩa vòng đời của một sản phẩm là khoảng thời gian kéo dài từ giai đoạn mua (*acquisition phase*) cho đến giai đoạn sử dụng (*utilization phase*), trong đó bắt đầu với giai đoạn thiết kế và kết thúc bằng việc loại bỏ sản phẩm. Vòng đời của sản phẩm bắt đầu với sự xác định nhu cầu, sau đó là thiết kế sơ bộ, sản xuất và cuối cùng là thải bỏ sản phẩm. Theo quan điểm của tác giả và giới hạn tìm hiểu trong nội dung các chương tiếp theo của Luận án, vòng đời sản phẩm được minh họa qua các giai đoạn là: nghiên cứu và phát triển; thiết kế sản phẩm mẫu; sản xuất hàng loạt; bán hàng và hỗ trợ; cuối cùng là suy thoái.

#### **2.2.2. Kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm**

##### **2.2.2.1. Nhận diện và phân loại chi phí theo vòng đời sản phẩm**

Việc quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm được hiểu là việc ước tính, kiểm soát tổng chi phí phát sinh trong toàn bộ vòng đời của một sản phẩm, từ lúc

sản phẩm được thiết kế cho đến lúc sản phẩm được rút khỏi thị trường (ACCA, F5).

Các thành phần chi phí phát sinh trong vòng đời một sản phẩm bao gồm:

- Chi phí nghiên cứu và phát triển (*research and development cost*): chi phí thiết kế, chi phí thử nghiệm, chi phí kiểm tra, chạy thử...
- Chi phí mua dữ liệu kỹ thuật: ví dụ mua bản quyền công nghệ;
- Chi phí đào tạo: bao gồm chi phí đào tạo ban đầu và chi phí cập nhật, nâng cao kỹ năng;
- Chi phí sản xuất;
- Chi phí phân phối: vận chuyển và bốc xếp;
- Chi phí quảng cáo và marketing: dịch vụ khách hàng, thúc đẩy thương hiệu;
- Chi phí hàng tồn kho: chi phí nhà kho, bến bãi;
- Chi phí thanh lý ở cuối vòng đời sản phẩm.

#### **2.2.2.2. Các phương pháp kỹ thuật cung cấp thông tin phục vụ việc ước tính và dự toán chi phí theo vòng đời sản phẩm**

Có rất nhiều phương pháp kỹ thuật kế toán quản trị đã được nghiên cứu và áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau cũng như trong các giai đoạn khác nhau của vòng đời sản phẩm, tuy nhiên, trong Luận án này chỉ giới hạn đề cập đến một số phương pháp kỹ thuật KTQT được áp dụng trong các giai đoạn của vòng đời sản phẩm để giúp nhà quản trị có thông tin chi phí hữu ích cho việc quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm.

##### **a, Phương pháp chi phí mục tiêu (*Target costing*)**

Phương pháp chi phí mục tiêu có liên quan đến việc lập kế hoạch sản phẩm để đáp ứng các thuộc tính theo yêu cầu của khách hàng và tạo ra lợi nhuận cho công ty [4]. Cooper (1995) định nghĩa Chi phí mục tiêu là một phương pháp giúp các công ty xác định chi phí trong vòng đời của sản phẩm mà không bỏ qua chất lượng và chức năng của sản phẩm, biết trước được điểm hòa vốn và giá bán mong muốn [1].

##### **b, Phương pháp phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận (*Cost - Volume - Profit Analysis*)**

Phân tích CVP là một mô hình ra quyết định ngắn hạn mà tập trung vào mối quan hệ giữa giá bán, biến phí, định phí, doanh thu và lợi nhuận. Mô hình này là một công cụ lập kế hoạch hữu ích, nó có thể cung cấp thông tin về sự ảnh hưởng đến lợi nhuận khi có sự thay đổi trong cơ cấu chi phí hoặc mức độ hoạt động. Tuy nhiên, cũng giống như các mô hình nhân tạo do con người thiết lập ra, mô hình phân tích này bắt buộc chỉ thực hiện được khi đặt trong một số điều kiện giả định, mà những giả định này hiếm xảy ra trong thực tế.

### ***c, Phương pháp Kỹ thuật giá trị (Value Engineering - VE)***

Kỹ thuật giá trị - VE bắt nguồn từ những năm 1960 tại Hoa Kỳ. Những nhà nghiên cứu đầu tiên về VE có thể kể đến Univac-Sperry Rand, Ford Tractors, General Electric và Chrysler [2]. Tuy nó không phải là kỹ thuật quản trị được chú ý trong các tài liệu kế toán quản trị phương Tây, nhưng ngược lại, ở Nhật Bản, VE rất được chú trọng và được áp dụng rộng rãi.

#### ***2.2.3. Lợi ích của quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm đối với nhà quản trị***

Có rất nhiều tác giả nghiên cứu về lợi ích của quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm, được kể đến như, Robert S. Kaplan và Robin Cooper là hai tác giả đã đóng góp rất nhiều cho lĩnh vực quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm. Trong các nghiên cứu của họ về hệ thống quản trị chi phí, họ đã đề xuất phương pháp LCC (Life cycle costing) và ABC (Activity-Based Costing) để tính toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Ưu điểm của phương pháp được giải thích trên khía cạnh các nhà quản trị có thể phân bổ và quản lý chi phí cho từng giai đoạn trong vòng đời sản phẩm, giúp họ nắm rõ những chi phí chi tiết hơn và đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác hơn.

#### ***2.2.4. Kinh nghiệm thực hành kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm tại một số DN trên thế giới***

Có rất nhiều nghiên cứu nước ngoài đã được công bố về vấn đề các doanh nghiệp, tổ chức đã áp dụng những kiến thức nghiên cứu liên quan đến tư duy vòng đời sản phẩm và chi phí theo vòng đời sản phẩm. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào việc làm rõ đặc thù sản phẩm của DN để từ đó, đưa ra

phương hướng cải thiện hiệu quả quy trình sản xuất, hoạt động cũng như giảm thiểu tác hại đến môi trường và xã hội.

### **2.3. Đặc thù của ngành sản xuất sản phẩm điện tử ảnh hưởng đến kế toán quản trị chi phí**

Một số đặc điểm nổi bật của ngành sản xuất sản phẩm điện tử có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT và kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm, là:

(i) Do nhóm đối tượng NCS hướng đến là các DNNVV nên phần lớn các DN này đều có quy mô sản xuất nhỏ lẻ, công nghệ chưa phát triển;

(ii) Tổ chức bộ máy quản lý trong các DN sản xuất sản phẩm điện tử có quy mô nhỏ thường có nhiều lợi thế hơn khi thay đổi các chính sách, phương án kinh doanh.

(iii) Vòng đời sản phẩm ngắn

(iv) Trình độ của chủ DN ngày càng được nâng cao do áp lực cạnh tranh của thị trường ngày càng gay gắt được tạo ra bởi sự hội nhập giao thương kinh tế toàn cầu.

(v) Rác thải sản phẩm điện tử có ảnh hưởng đến môi trường, xã hội

(vi) Sự cạnh tranh khốc liệt trong sản xuất ở thị trường nội địa và quốc tế.

(vii) Trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, việc xây dựng và quyết định giá cả của sản phẩm 80 - 90% được xác định trong giai đoạn R&D

### **2.4. Các lý thuyết nền liên quan**

Trong các nghiên cứu đã được công bố, có rất nhiều nghiên cứu đề cập đến các lý thuyết nền tảng tiêu biểu đại diện cho mối quan hệ giữa các nhân tố tác động đến việc áp dụng kế toán quản trị, trong đó có thể kể đến các lý thuyết là:

- ✓ Lý thuyết ngẫu nhiên/bất định (Contingency Theory)
- ✓ Lý thuyết quan hệ lợi ích - chi phí (Cost - benefit Theory)
- ✓ Lý thuyết hành vi dự định (Theory of planned behaviour)

### CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Thiết kế nghiên cứu

*Bước 1: Xác định nội dung nghiên cứu*

*Bước 2: Hệ thống hóa tổng quan nghiên cứu và lý thuyết nghiên cứu*

*Bước 3: Xây dựng mô hình nghiên cứu*

*Bước 4: Nghiên cứu định tính*

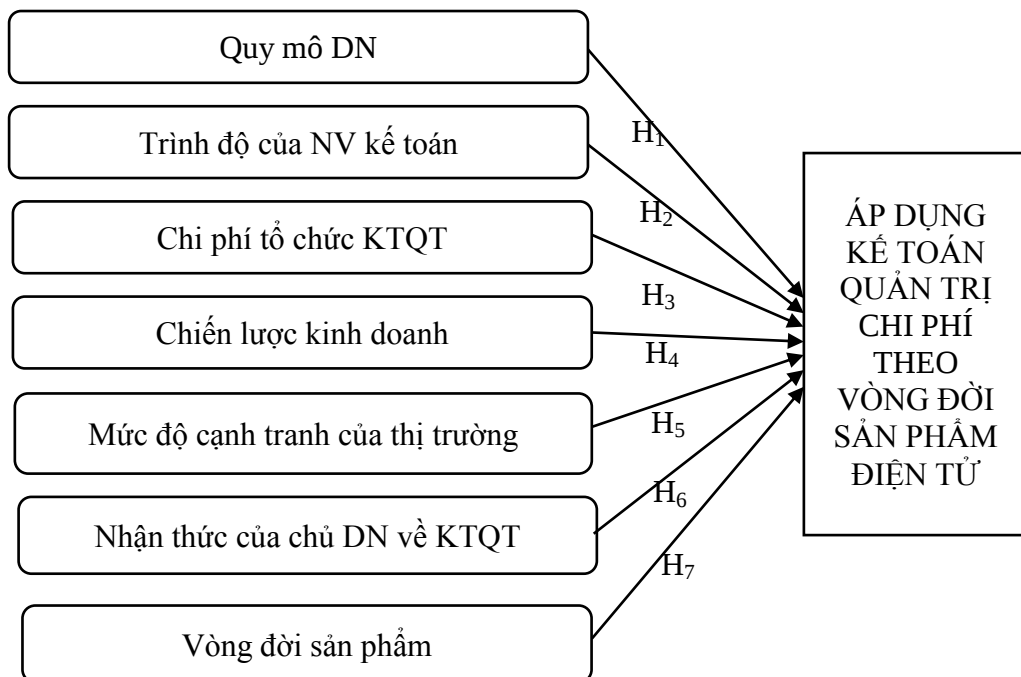
*Bước 5: Nghiên cứu định lượng*

#### 3.2. Mô hình nghiên cứu, giả thuyết và thang đo nghiên cứu

##### 3.2.1. Xây dựng mô hình nghiên cứu

Tổng hợp các nghiên cứu trước, NCS dự kiến các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm, giới hạn trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam. Tác giả xây dựng và phát triển mô hình gốc nghiên cứu bao gồm bảy nhân tố chính tác động đến vận dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm điện tử.

##### MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT:



*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

##### 3.2.2. Biến nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu và thang đo sơ bộ

##### 3.2.3. Thang đo chính thức

Các thang đo sơ bộ được rút ra từ tổng quan nghiên cứu, dựa vào các nghiên cứu trước đã công bố trong nước và trên thế giới. Với mục đích đảm bảo tính thực

tiền và hợp lý cho đề tài, thang đo chính thức sẽ được các chuyên gia và tác giả điều chỉnh tương thích với hoàn cảnh thực tế nghiên cứu. Qua quá trình phỏng vấn trực tiếp và xin ý kiến tư vấn của các chuyên gia, tác giả nhận thấy rằng nội dung của một số thang đo gốc cần phải giải thích và mô tả rõ ràng hơn để phù hợp với nội dung đề tài tìm hiểu, từ đó giúp người được khảo sát có thể nhận biết và hiểu biết rõ hơn về vấn đề khảo sát. Sau khi trao đổi thông qua các kỹ thuật phỏng vấn sâu và xin ý kiến tư vấn của chuyên gia về các nhân tố ảnh hưởng và các thang đo của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu, bảng tổng hợp thang đo được NCS tổng hợp, phân tích và hệ thống hóa từ các nghiên cứu đã công bố có liên quan.

### **3.3. Phương pháp nghiên cứu**

#### **3.3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính**

##### **3.3.1.1. Phương pháp nghiên cứu tại bàn**

Phương pháp nghiên cứu tại bàn hay còn gọi là nghiên cứu thứ cấp (*desk research or secondary research*) là phương pháp nghiên cứu có liên quan đến việc sử dụng các dữ liệu có sẵn để tổng hợp và đối chiếu với nghiên cứu đang thực hiện.

##### **3.3.1.2. Phương pháp nghiên cứu tình huống**

Trong đề tài này, NCS sử dụng nghiên cứu mô tả để thực hiện quan sát và mô tả lại các hoạt động liên quan đến vòng đời sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam. Nghiên cứu mô tả cho thấy tình hình thực tế và các mô tả tuyệt đối về các hiện tượng trong tình huống được lựa chọn.

##### **3.3.1.3. Phương pháp phỏng vấn**

a, Tiêu chí lựa chọn chuyên gia

b, Quy trình thực hiện phỏng vấn

#### **3.3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng**

##### **3.3.2.1. Phương pháp khảo sát**

##### **3.3.2.2. Phương pháp phân tích số liệu**

Các dữ liệu được thu thập dưới dạng dữ liệu sơ cấp thông qua phiếu khảo sát mà NCS đã gửi đi. Bước đầu tiên, NCS kiểm tra và loại bỏ các phiếu khảo không hợp lý, hợp lệ. Tiếp theo, nhập dữ liệu sơ cấp vào Excel và chuyển dữ liệu vào phần mềm SPSS 20 để phân tích thống kê mô tả. Đồng thời, để phân tích dữ liệu sâu hơn, NCS sử dụng phần mềm SPSS 20 để đánh giá thang đo, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến biến phụ thuộc và kiểm định các giả thuyết đã đề ra.

## CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 4.1. Tổng quan ngành công nghiệp điện tử Việt Nam hiện nay

Ngành sản xuất sản phẩm điện tử tại Việt Nam được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành, có thể chia làm 8 nhóm chính.

### 4.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam

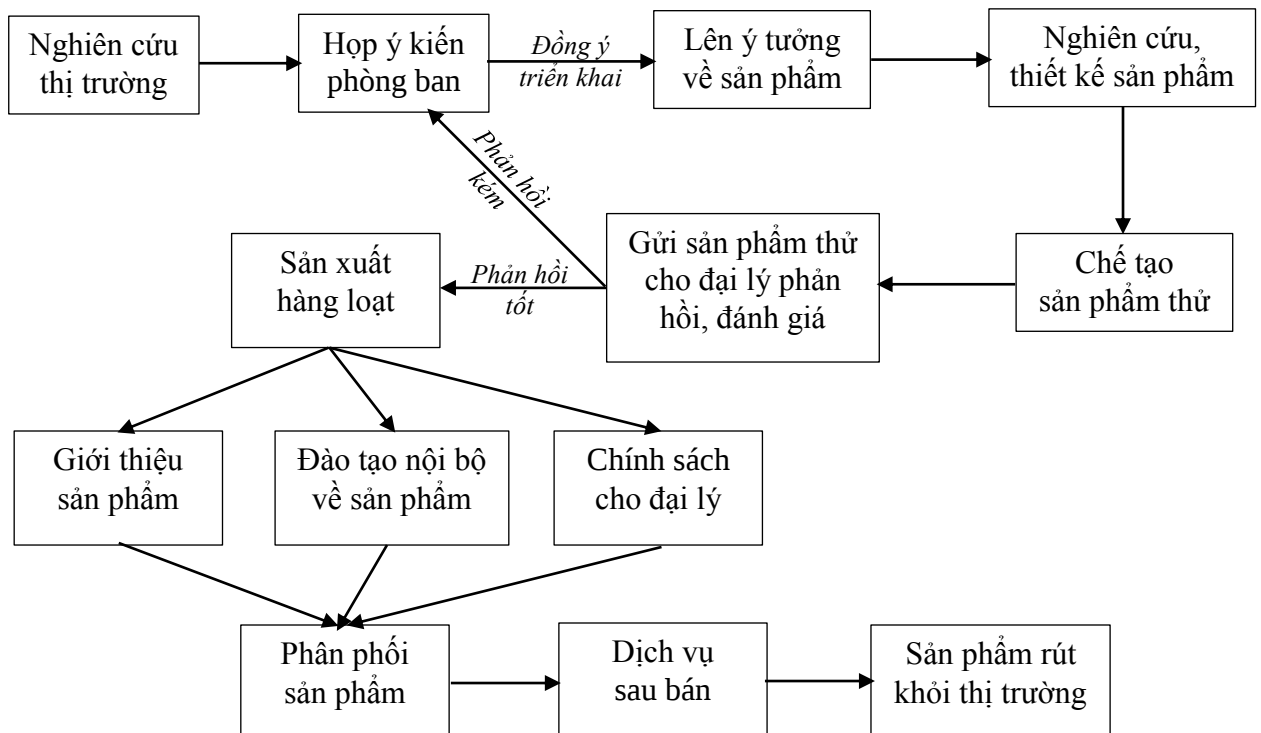
#### 4.2.1. Nghiên cứu tình huống về vòng đời sản phẩm điện tử tại doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam

##### 4.2.1.1. Lựa chọn tình huống nghiên cứu

Các công ty được lựa chọn nghiên cứu là các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm điện tử, sản phẩm điện tử có đặc thù khác biệt riêng về công nghệ và sự đổi mới liên tục.

##### 4.2.1.2. Vòng đời sản phẩm điện tử tại Công ty cổ phần Lumi Việt Nam và công ty cổ phần đầu tư phát triển sản phẩm công nghệ cao HTP

Mô tả quy trình vòng đời sản phẩm điện tử tại Công ty cổ phần Lumi Việt Nam:



#### **4.2.2. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty Lumi và Công ty HTP**

Hiện nay, bộ máy kế toán ở cả Công ty Lumi và Công ty HTP đều được tổ chức theo mô hình tập trung. Số lượng nhân viên kế toán ở 2 công ty lần lượt là 5-8 nhân viên. Mỗi nhân viên kế toán được phân công phụ trách một phần hành cụ thể hoặc kiêm nhiệm thêm các phần hành khác.

#### **4.2.3. Thực trạng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm điện tử trong giai đoạn R&D tại Công ty Lumi và Công ty HTP**

Để tìm hiểu sâu hai tình huống thực tế, tác giả thông qua các công cụ quan sát, thảo luận tay đôi và thảo luận nhóm. Trong quá trình quan sát và phỏng vấn tại 2 công ty, tác giả nhận thấy bộ phận R&D được tổ chức rất chuyên nghiệp, đã xây dựng quy trình nội bộ đầy đủ. Phòng ban R&D chuyên đảm nhận nhiệm vụ thiết kế, nghiên cứu, phác thảo ý tưởng sản phẩm mới, lên kế hoạch về chi phí sản xuất trong từng giai đoạn của vòng đời sản phẩm dưới sự định hướng, giám sát và cho ý kiến của nhà quản lý. Bộ phận kế toán tại 2 công ty chỉ có thực hiện chức năng tổng hợp, cung cấp thông tin linh hoạt mọi thời điểm, còn vai trò kết hợp với các bộ phận chức năng khác trong việc kiểm soát chi phí, phân tích thông tin hỗ trợ cho nhà quản trị ra quyết định còn khá mờ nhạt và chưa được chú trọng.

Bên cạnh đó, cả 2 công ty đều chưa tách biệt riêng KTTC và KTQT, chưa có hệ thống KTQT riêng biệt, mẫu biểu báo cáo quản trị còn sơ sài. Kế toán trưởng hoặc kế toán tổng hợp sẽ vừa thực hiện công việc của KTTC và KTQT...như: Kế toán chi phí giá thành sản phẩm, kế toán bán hàng, kế toán theo dõi tài sản, công cụ dụng cụ... các bộ phận này có nhiệm vụ cung cấp thông tin về chi phí, giá thành, doanh thu bán hàng, TSCĐ... phục vụ cho lập BCTC và các báo cáo KTQT theo nhu cầu của nhà quản trị.

### **4.3. Kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam**

#### **4.3.1. Kết quả thống kê mẫu nghiên cứu**

#### **4.3.2. Kết quả nghiên cứu định lượng**

Sau khi thực hiện quan sát và tìm hiểu nghiên cứu điển hình, hoàn tất ý kiến chỉnh sửa góp ý của chuyên gia, một bảng câu hỏi được thiết kế để thực hiện phỏng

vấn các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam về các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của chúng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm. Phiếu khảo sát được thiết kế trên googleform và gửi đường link qua các phương tiện như: email/ zalo/ facebook/imessage... Đối tượng phỏng vấn là: Giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc kỹ thuật, trưởng phòng R&D, kế toán trưởng, kế toán viên... Số phiếu khảo sát gửi đi là 278 bảng hỏi, được thực hiện trong thời gian từ 3/2021 đến 9/2021. Số phiếu hợp lệ sau khi làm sạch dữ liệu là 245 phiếu và 33 phiếu không được coi là hợp lệ do phiếu chọn đáp án giống nhau (đều chọn đáp án 1 hoặc 2) ở tất cả các câu hỏi theo ý kiến chủ quan của người thực hiện khảo sát.

Sau khi làm sạch dữ liệu và đưa vào phần mềm SPSS 20, phục vụ cho việc phân tích, xử lý dữ liệu và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

#### **4.3.2.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo**

#### **4.3.2.2. Phân tích nhân tố khám phá**

**Bảng KMO và Bartlett's Test của biến độc lập**

| <b>KMO and Bartlett's Test</b>                   |      |             |
|--------------------------------------------------|------|-------------|
| Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy. |      | <b>.726</b> |
| Approx. Chi-Square                               |      | 8181.953    |
| Bartlett's Test of Sphericity                    | df   | 378         |
|                                                  | Sig. | <b>.000</b> |

*Nguồn: NCS tính toán trên phần mềm SPSS*

**Bảng KMO và Bartlett's Test của biến phụ thuộc**

| <b>KMO and Bartlett's Test</b>                   |      |         |
|--------------------------------------------------|------|---------|
| Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy. |      | .773    |
| Approx. Chi-Square                               |      | 600.556 |
| Bartlett's Test of Sphericity                    | df   | 6       |
|                                                  | Sig. | .000    |

*Nguồn: NCS tính toán trên phần mềm SPSS*

#### **4.3.2.3. Kiểm định sự tương quan**

Phân tích tương quan Pearson nhằm kiểm tra mối tương quan tuyến tính chặt chẽ giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập.

#### **4.3.2.4. Phân tích hồi quy đa biến**

Thực hiện phân tích hồi quy đa biến trên SPSS, tác giả thu được kết quả như sau:

**Bảng 4. 1: Kiểm định độ phù hợp của mô hình**

**Model Summary<sup>b</sup>**

| Model | R                 | R Square | Adjusted R Square | Std. Error of the Estimate | Durbin-Watson |
|-------|-------------------|----------|-------------------|----------------------------|---------------|
| 1     | .770 <sup>a</sup> | .593     | <b>.580</b>       | .41598                     | <b>2.389</b>  |

a. Predictors: (Constant), F\_CT, F\_VD, F\_QM, F\_TD, F\_CP, F\_CL, F\_NT

b. Dependent Variable: F\_KTVD

Kết quả cho thấy R<sup>2</sup> hiệu chỉnh (Adjusted R Square) bằng 0.580, điều này có nghĩa các biến độc lập giải thích được 58% sự thay đổi của biến phụ thuộc là KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm điện tử.

**Bảng 4. 2: Kết quả hồi quy của các nhân tố**

**Coefficients<sup>a</sup>**

| Model      | Unstandardized Coefficients |            | Standardized Coefficients | t      | Sig.        | Collinearity Statistics |       |
|------------|-----------------------------|------------|---------------------------|--------|-------------|-------------------------|-------|
|            | B                           | Std. Error | Beta                      |        |             | Tolerance               | VIF   |
| (Constant) | 1.142                       | .195       |                           | 5.864  | .000        |                         |       |
| F_VD       | .177                        | .041       | .219                      | 4.288  | .000        | .659                    | 1.519 |
| F_NT       | .190                        | .049       | .224                      | 3.910  | .000        | .523                    | 1.914 |
| F_TD       | .188                        | .042       | .241                      | 4.448  | .000        | .584                    | 1.711 |
| F_QM       | .102                        | .036       | .143                      | 2.866  | .005        | .686                    | 1.457 |
| F_CP       | -.128                       | .043       | -.158                     | -2.953 | .003        | .604                    | 1.656 |
| F_CL       | .226                        | .047       | .267                      | 4.852  | .000        | .569                    | 1.758 |
| F_CT       | .055                        | .048       | .067                      | 1.128  | <b>.260</b> | .489                    | 2.044 |

a. Dependent Variable: F\_KTVD

*Nguồn: NCS tính toán trên phần mềm SPSS*

Dựa vào bảng kết quả hồi quy của các biến độc lập, kết quả Sig của 06 nhân tố, bao gồm: Vòng đời sản phẩm, Nhận thức của chủ DN về KTQT, Trình độ của NV kế toán, Quy mô doanh nghiệp, Chi phí tổ chức KTQT và Chiến lược kinh doanh đều có chỉ số Sig kiểm định nhỏ hơn 0.05, do đó các biến này đều có ý nghĩa thống kê, và đều tác động đến biến phụ thuộc là F\_KTVD. Biến mức độ cạnh tranh của thị trường (F\_CT) có hệ số Sig = 0.260 > 0.05, do đó biến này không có ý nghĩa thống kê trong mô hình hồi quy.

Mô hình hồi quy các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam là:

$$F\_KTVD = 1.142 + 0.177 * F\_VD + 0.190 * F\_NT + 0.188 * F\_TD + 0.102 * F\_QM - 0.128 * F\_CP + 0.226 * F\_CL + \varepsilon$$

**Bảng 4. 3: Bảng tổng hợp kết quả nghiên cứu**

| Giả thuyết                                                                                                                                                                              | Hệ số hồi quy Beta | Sig.         | Kiểm định giả thuyết |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------|----------------------|
| <i>H<sub>1</sub>: Quy mô doanh nghiệp có tác động cùng chiều đến khả năng vận dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các DN sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam</i>              | 0.102              | 0.005        | Chấp nhận            |
| <i>H<sub>2</sub>: Trình độ nhân viên kế toán có tác động cùng chiều đến khả năng vận dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các DN sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam</i>       | 0.188              | 0.000        | Chấp nhận            |
| <i>H<sub>3</sub>: Chi phí tổ chức KTQT có tác động ngược chiều đến khả năng vận dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các DN sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam</i>            | -0.128             | 0.003        | Chấp nhận            |
| <i>H<sub>4</sub>: Chiến lược kinh doanh có tác động cùng chiều đến khả năng vận dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các DN sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam</i>            | 0.226              | 0.000        | Chấp nhận            |
| <i>H<sub>5</sub>: Mức độ cạnh tranh của thị trường có tác động cùng chiều đến khả năng vận dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các DN sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam</i> | 0.055              | <b>0.260</b> | <b>Bác bỏ</b>        |
| <i>H<sub>6</sub>: Nhận thức của chủ DN về KTQT có tác động cùng chiều đến khả năng vận dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các DN sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam</i>     | 0.190              | 0.000        | Chấp nhận            |
| <i>H<sub>7</sub>: DN càng hiểu rõ nội dung về vòng đời sản phẩm thì khả năng vận dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm thành công càng cao</i>                                       | 0.177              | 0.000        | Chấp nhận            |

Nguồn: NCS tính toán trên phần mềm SPSS

## **CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ HÀM Ý ĐỀ XUẤT**

### **5.1. Một số kết luận về kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam**

#### **5.1.1. Yêu cầu hoàn thiện kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam**

Thứ nhất, hoàn thiện kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất của ngành điện tử Việt Nam

Thứ hai, hoàn thiện kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm phải đảm bảo tính hiệu quả và tiết kiệm chi phí

Thứ ba, hoàn thiện kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm phải đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin hỗ trợ mục tiêu lập kế hoạch, kiểm soát chi phí và ra quyết định của nhà quản trị

#### **5.1.2. Kết luận về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam**

Bằng các phương pháp nghiên cứu khác nhau như: phương pháp nghiên cứu tại bàn, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp phỏng vấn, phương pháp khảo sát, phương pháp phân tích số liệu thông qua SPSS, tác giả đã xác định được nhóm nhân tố bao gồm: quy mô doanh nghiệp, trình độ nhân viên kế toán, chi phí tổ chức KTQT, chiến lược kinh doanh, nhận thức của chủ doanh nghiệp về KTQT, vòng đời sản phẩm có ảnh hưởng đến việc thực hành KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam.

### **5.2. Một số đề xuất hoàn thiện kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm và điều kiện thực hiện các đề xuất trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam**

#### **5.2.1. Một số đề xuất hoàn thiện**

##### **5.2.1.1. Một số đề xuất hoàn thiện rút ra từ kết quả nghiên cứu tình huống**

***Việc xác định và phân loại chi phí***

Hiện nay, 2 công ty trong nghiên cứu tình huống đều mới chỉ tiến hành phân loại chi phí theo nội dung kinh tế. Hơn nữa, việc xác định nguồn phát sinh chi phí chưa được quan tâm và theo dõi sát sao. Từ thực tế này, NCS đề xuất thêm phương pháp phân loại chi phí theo mối quan hệ với cách ứng xử chi phí (chia làm: biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp) cho 2 công ty nhằm mục đích theo dõi nguồn phát sinh chi phí và phân tích, sử dụng thông tin chi phí hiệu quả.

#### ***Việc ước tính và kiểm soát chi phí trong giai đoạn R&D***

Việc ước tính chi phí mục tiêu và kiểm soát chi phí trong giai đoạn R&D cần sự kết hợp chặt chẽ và liên tục giữa bộ phận R&D và bộ phận kế toán. Để tránh những rủi ro về chi phí phát sinh, trong giai đoạn R&D, bộ phận kế toán và bộ phận R&D có thể lường trước những nguy cơ có thể xảy ra, đưa ra các phương án dự phòng thay thế hoặc dự trù chi phí phát sinh. Điều này thực sự hữu ích cho nhà quản trị có cái nhìn tốt hơn và hiệu quả hơn trong việc ra quyết định ngắn hạn.

#### ***Việc áp dụng phương pháp chi phí mục tiêu trong kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm:***

Tác giả đề xuất quy trình các bước áp dụng phương pháp chi phí mục tiêu là:

- + *Bước 1: Nghiên cứu thị trường để lên ý tưởng sản phẩm mới*
- + *Bước 2: Thiết kế đặc tính kỹ thuật cho sản phẩm mới*
- + *Bước 3: Xác định giá bán mong muốn*
- + *Bước 4: Xác định chi phí mục tiêu*
- + *Bước 5: Dự toán, lập kế hoạch chi phí theo vòng đời sản phẩm*

#### ***5.2.1.2. Một số đề xuất hoàn thiện rút ra từ kết quả nghiên cứu định lượng***

*Gia tăng thị phần, doanh thu của doanh nghiệp*

*Xây dựng chiến lược kinh doanh mang tính chủ động và quan tâm đến thị hiếu của khách hàng*

*Đầu tư chi phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán*

*Nhận thức về đặc thù ngành sản xuất sản phẩm điện tử, công nghệ sản xuất và bộ phận R&D*

*Sự hỗ trợ từ nhà quản lý và tính hữu ích của thông tin KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm*

### ***5.2.2. Một số điều kiện thực hiện các đề xuất liên quan đến kế toán quản trị chi phí theo vòng đời sản phẩm điện tử***

### **5.3. Hạn chế và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo**

#### ***Những hạn chế của Luận án***

Luận án khảo sát với số mẫu 245 DN sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy do hạn chế về mặt chi phí, thời gian và nhân lực cũng như khả năng tiếp cận nên kích thước mẫu điều tra chưa lớn như mong đợi. Mô hình nghiên cứu của tác giả đưa ra gồm có 07 biến độc lập (bao gồm 06 biến tiếp thu có chọn lọc và 01 biến là nhân tố mới). Tuy nhiên, tác giả cũng chưa xem xét kỹ vào việc bổ sung thêm các biến kiểm soát để mô hình được hoàn thiện hơn nữa. Ngoài ra, tác giả mới tìm hiểu và đánh giá thực trạng của 02 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam làm tình huống điển hình, chưa đạt được kỳ vọng của tác giả ban đầu về việc thực hiện nghiên cứu tình huống.

#### ***Hướng nghiên cứu tiếp theo***

Những hạn chế của đề tài gợi mở cho tác giả đề xuất một số hướng nghiên cứu tiếp theo như sau:

*Một là*, tiếp tục hướng nghiên cứu về KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm và các nhân tố tác động khi áp dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm tại một số các lĩnh vực khác, cũng như việc mở rộng phạm vi lấy mẫu nghiên cứu.

*Hai là*, tiếp tục mở rộng hướng nghiên cứu tình huống điển hình về việc áp dụng các công cụ kỹ thuật KTQT chi phí hiện đại, có thể kết hợp các công cụ kỹ thuật KTQT chi phí khác nhau như việc kết hợp ABC và BSC hoặc kết hợp kỹ thuật KTQT chi phí trong các mô hình như: Lean, JIT, TQM...

*Ba là*, tiếp tục hướng nghiên cứu về xây dựng mô hình hoàn chỉnh áp dụng KTQT chi phí theo vòng đời sản phẩm phù hợp các DN sản xuất sản phẩm điện tử Việt Nam.

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN TIỀN SĨ**

1. Lê Quỳnh Anh, Nguyễn Ngọc Hiền, Đinh Thị Lan, 2017. *Xác định chi phí môi trường theo vòng đời sản phẩm - Ứng dụng vòng đời sản phẩm cà phê*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Kế toán - Kiểm toán và Kinh tế Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
2. Lê Quỳnh Anh, 2018. *Ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0 đến kế toán quản trị môi trường*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam”, 10/2018. 243-248.
3. Lê Quỳnh Anh, Nguyễn Tô Tâm, 2019. *Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán theo vòng đời sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: “Nghiên cứu và đào tạo Kế toán, Kiểm toán”, 12/2019. 568 - 580.
4. Lê Quỳnh Anh, Bùi Nhật Giang, 2022. *Mối quan hệ giữa chi phí theo vòng đời sản phẩm và sản xuất, tiêu dùng bền vững*. Tạp chí công thương số 5, tháng 3/2022, 80 - 89.
5. Le Quynh Anh, Nguyen To Tam, 2022. *Research model of management accounting of costs by product life cycle in Vietnamese electronic enterprises*. The 7th International Conference on Accounting and Finance - ICOAF 2022. The University of DaNang, University of Economics publishing house. pp 192 - 212.
6. Le Quynh Anh, Bui Nhat Giang, Nguyen Thi Phuong Hoa, 2022. *Specificity of an electronic product life cycle: A case study at enterprises producing electronic products in VietNam*. The 15th NEU - KKU International Conference Socio - Economic and Environmental Issues in Development - ICSEED 2022. The Finance publishing house HaNoi, 2022. pp 1179 - 1188.